

**DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 01 - KHỐI 9
NĂM HỌC 2026 - 2027**

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	001	Lê Hữu	An	24/01/2012	Nam	9.1	
2	002	Trần Nhật	An	15/06/2012	Nam	9.1	
3	003	Nguyễn Lê Hoài	An	04/11/2012	Nữ	9.2	
4	004	Trương Võ Phúc	An	24/07/2012	Nữ	9.4	
5	005	Nguyễn Đỗ Thiên	Ân	07/04/2012	Nam	9.3	
6	006	Nguyễn Lê Thảo	Ân	13/01/2012	Nữ	9.3	
7	007	Phạm Huỳnh Huyền	Anh	21/06/2012	Nữ	9.2	
8	008	Nguyễn Thị Lan	Anh	13/02/2012	Nữ	9.4	
9	009	Nguyễn Phương	Anh	13/04/2012	Nữ	9.5	
10	010	Hà Bùi Minh	Anh	23/07/2012	Nữ	9.6	
11	011	Nguyễn Lê Tấn	Anh	04/01/2012	Nam	9.7	
12	012	Nguyễn Thị Kim	Anh	09/04/2012	Nữ	9.9	
13	013	Lương Công	Bá	09/03/2012	Nam	9.8	
14	014	Lê Ngọc Hoàng	Bách	16/10/2012	Nam	9.2	
15	015	Tạ Ngọc Hưng	Bản	01/07/2012	Nam	9.9	
16	016	Phạm Khánh	Băng	09/06/2012	Nữ	9.5	
17	017	Trần Khánh	Băng	02/01/2012	Nữ	9.6	
18	018	Huỳnh Gia	Bảo	05/08/2012	Nam	9.1	
19	019	Nguyễn Đăng	Bảo	09/05/2012	Nam	9.1	
20	020	Nguyễn Trường Quốc	Bảo	12/07/2012	Nam	9.1	
21	021	Đinh Quốc	Bảo	25/04/2012	Nam	9.2	
22	022	Huỳnh Viết Lưu Gia	Bảo	26/02/2012	Nam	9.3	
23	023	Nguyễn Phúc	Bảo	09/07/2012	Nam	9.4	
24	024	Huỳnh Hoàng Chí	Bảo	02/10/2012	Nam	9.6	

Danh sách tổng cộng có 24 học sinh./.

**DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 02 - KHỐI 9
NĂM HỌC 2026 - 2027**

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	025	Nguyễn Duy	Bảo	03/08/2012	Nam	9.6	
2	026	Nguyễn Ngọc	Bảo	02/05/2012	Nam	9.6	
3	027	Ngô Văn	Bảo	13/12/2012	Nam	9.7	
4	028	Phan Trang Tuấn	Bảo	24/06/2012	Nam	9.7	
5	029	Hà Gia	Bảo	12/01/2012	Nam	9.9	
6	030	Nguyễn Thanh	Bình	10/10/2012	Nam	9.5	
7	031	Trần Thị Thu	Bình	27/11/2012	Nữ	9.6	
8	032	Hứa Thị Trân	Châu	20/10/2012	Nữ	9.2	
9	033	Nguyễn Bảo Trân	Châu	16/06/2012	Nữ	9.3	
10	034	Hà Nguyên Bảo	Châu	03/07/2012	Nữ	9.7	
11	035	Lê Ngọc Trân	Châu	12/10/2012	Nữ	9.9	
12	036	Nguyễn Tùng	Chi	27/07/2012	Nữ	9.2	
13	037	Hồ Quế	Chi	25/07/2012	Nữ	9.8	
14	038	Phùng Anh	Chương	19/11/2012	Nam	9.2	
15	039	Trương Thành	Danh	30/11/2012	Nam	9.8	
16	040	Phạm Anh	Đào	26/07/2012	Nữ	9.5	
17	041	Nguyễn Vũ	Đạt	01/01/2012	Nam	9.1	
18	042	Ngô Thành	Đạt	11/12/2012	Nam	9.4	
19	043	Nguyễn Trí	Đạt	01/05/2012	Nam	9.5	
20	044	Phan Thành	Đạt	17/10/2012	Nam	9.6	
21	045	Trần Trung Quốc	Đạt	28/03/2011	Nam	9.7	
22	046	Lê Ngọc Băng	Di	13/07/2012	Nữ	9.6	
23	047	Phan Thục	Đoan	27/06/2012	Nữ	9.2	
24	048	Trần Duy	Đông	27/08/2012	Nam	9.1	

Danh sách tổng cộng có 24 học sinh./.

**DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 03 - KHỐI 9
NĂM HỌC 2026 - 2027**

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	049	Phạm Trí	Đức	02/05/2012	Nam	9.5	
2	050	Đinh Văn	Đức	12/10/2012	Nam	9.8	
3	051	Phạm Lưu Phương	Dung	05/03/2012	Nữ	9.2	
4	052	Hồ Trí	Dũng	17/07/2012	Nam	9.9	
5	053	Hồ Nguyên	Dương	14/05/2012	Nam	9.1	
6	054	Văn Thành	Duy	17/11/2012	Nam	9.3	
7	055	Nguyễn Hải Hà	Duy	16/12/2012	Nam	9.4	
8	056	Nguyễn Tấn	Duy	26/07/2012	Nam	9.4	
9	057	Thái Châu	Duyên	05/07/2012	Nữ	9.1	
10	058	Nguyễn Cao Kỳ	Duyên	27/09/2012	Nữ	9.4	
11	059	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	07/03/2012	Nữ	9.4	
12	060	Trần Ngô Kỳ	Duyên	14/09/2012	Nữ	9.7	
13	061	Lê Thùy	Duyên	10/11/2012	Nữ	9.8	
14	062	Trần Lê Phương	Duyên	28/02/2012	Nữ	9.8	
15	063	Nguyễn Viết Hoàng	Gia	21/04/2012	Nam	9.6	
16	064	Bùi Hoàng Nguyệt	Giang	05/01/2012	Nữ	9.2	
17	065	Trương Nguyễn Hoàng	Giang	22/01/2012	Nữ	9.3	
18	066	Vũ Đăng	Giang	12/09/2012	Nam	9.3	
19	067	Võ Nguyễn Trường	Giang	02/09/2012	Nam	9.4	
20	068	Nguyễn Viết Long	Giang	11/02/2012	Nam	9.9	
21	069	Phan Thanh Khánh	Hà	01/08/2012	Nữ	9.5	
22	070	Phạm Minh	Hải	11/11/2012	Nam	9.1	
23	071	Đỗ Thảo	Hân	08/12/2012	Nữ	9.2	
24	072	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	24/03/2012	Nữ	9.2	

Danh sách tổng cộng có 24 học sinh./.

**DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 04 - KHỐI 9
NĂM HỌC 2026 - 2027**

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	073	Trần Gia	Hân	29/08/2012	Nữ	9.2	
2	074	Trần Thị Ngọc	Hân	12/01/2012	Nữ	9.2	
3	075	Quảng Ngô Gia	Hân	19/04/2012	Nữ	9.4	
4	076	Huỳnh Ngọc Bảo	Hân	24/08/2012	Nữ	9.5	
5	077	Nguyễn Gia	Hân	15/04/2012	Nữ	9.5	
6	078	Nguyễn Phúc Tường	Hân	02/10/2011	Nữ	9.6	
7	079	Văn Thị Khả	Hân	16/10/2012	Nữ	9.6	
8	080	Nguyễn Phạm Gia	Hân	14/01/2012	Nữ	9.8	
9	081	Hà Quỳnh	Hân	27/04/2012	Nữ	9.3	
10	082	Diệp Tư	Hân	27/09/2012	Nam	9.5	
11	083	Trần Đặng Minh	Hằng	26/02/2012	Nữ	9.5	
12	084	Nguyễn Duy	Hào	04/09/2012	Nam	9.2	
13	085	Trần Quang Minh	Hào	17/10/2012	Nam	9.6	
14	086	Hồ Nhật	Hiền	29/04/2012	Nữ	9.6	
15	087	Nguyễn Đình Diệu	Hiền	17/10/2012	Nữ	9.9	
16	088	Phan Thị Mỹ	Hiếu	08/08/2012	Nữ	9.6	
17	089	Nguyễn Minh	Hiếu	15/11/2012	Nam	9.9	
18	090	Nguyễn Huy Khải	Hoàn	24/03/2012	Nam	9.5	
19	091	Lê Khả	Hoàng	01/06/2012	Nam	9.1	
20	092	Lê Viết	Hoàng	14/12/2012	Nam	9.3	
21	093	Nguyễn Hà Minh	Hoàng	09/07/2012	Nam	9.4	
22	094	Trần Nguyễn Phú	Hoàng	24/08/2012	Nam	9.4	
23	095	Nguyễn Huy	Hoàng	23/07/2012	Nam	9.5	
24	096	Lê Minh	Hoàng	22/02/2012	Nam	9.7	

Danh sách tổng cộng có 24 học sinh./.

**DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 05 - KHỐI 9
NĂM HỌC 2026 - 2027**

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	097	Huỳnh Minh	Hoàng	07/12/2012	Nam	9.8	
2	098	Lê Quốc	Hoàng	19/11/2012	Nam	9.8	
3	099	Nguyễn Huy	Hoàng	15/09/2012	Nam	9.9	
4	100	Trần Đình	Hoàng	08/03/2012	Nam	9.9	
5	101	Trương Đức	Hoàng	10/05/2012	Nam	9.9	
6	102	Nguyễn Đăng Quốc	Học	16/05/2012	Nam	9.7	
7	103	Phạm Nhung Bảo	Hợp	03/04/2012	Nữ	9.7	
8	104	Nguyễn Văn Thanh	Hùng	01/01/2012	Nam	9.3	
9	105	Huỳnh Quốc	Hưng	02/12/2012	Nam	9.5	
10	106	Phan Minh	Hưng	18/12/2012	Nam	9.5	
11	107	Lê Trần Phước	Hưng	27/06/2012	Nam	9.6	
12	108	Trần Khánh	Hưng	22/01/2012	Nam	9.7	
13	109	Võ Mạnh	Hưng	06/01/2012	Nam	9.8	
14	110	Đinh Quốc	Huy	22/07/2012	Nam	9.1	
15	111	Trần Quốc	Huy	17/08/2012	Nam	9.1	
16	112	Ngô Vũ Nhật	Huy	18/04/2012	Nam	9.3	
17	113	Tạ Minh	Huy	15/05/2012	Nam	9.3	
18	114	Từ	Huy	12/04/2012	Nam	9.3	
19	115	Trần Gia	Huy	28/06/2012	Nam	9.6	
20	116	Nguyễn Gia	Huy	14/01/2012	Nam	9.7	
21	117	Nguyễn Thanh	Huy	09/01/2012	Nam	9.8	
22	118	Hồ Trần Quang	Huy	26/07/2012	Nam	9.9	
23	119	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	26/02/2012	Nữ	9.7	
24	120	Nguyễn Đức Thiệu	Kha	10/01/2012	Nam	9.1	

Danh sách tổng cộng có 24 học sinh./.

DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 06 - KHỐI 9
NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	121	Huỳnh Nguyễn Anh	Kha	14/08/2012	Nam	9.3	
2	122	Nguyễn Võ Tú	Kha	12/04/2012	Nam	9.4	
3	123	Nguyễn Duy	Kha	29/12/2011	Nam	9.5	
4	124	Phan Lương Tuấn	Kha	02/08/2012	Nam	9.8	
5	125	Hồ Phú	Khang	31/05/2012	Nam	9.1	
6	126	Lê Nguyên	Khang	22/07/2012	Nam	9.1	
7	127	Phạm Minh	Khang	07/03/2012	Nam	9.1	
8	128	Nguyễn Lê Vĩnh	Khang	27/03/2012	Nam	9.6	
9	129	Nguyễn Minh	Khang	12/05/2012	Nam	9.6	
10	130	Nguyễn Phú	Khang	22/11/2012	Nam	9.7	
11	131	Bùi Quý Gia	Khang	05/07/2012	Nam	9.8	
12	132	Nguyễn Thế	Khang	22/10/2012	Nam	9.8	
13	133	Vũ Phạm Phúc	Khang	22/07/2012	Nam	9.8	
14	134	Đỗ Nguyên	Khang	20/08/2012	Nam	9.9	
15	135	Trần Gia	Khánh	04/05/2012	Nam	9.1	
16	136	Đặng Mậu	Khánh	18/10/2012	Nam	9.4	
17	137	Huỳnh Bảo	Khánh	10/12/2012	Nữ	9.7	
18	138	Nguyễn Bảo Quốc	Khánh	30/04/2012	Nam	9.8	
19	139	Phạm Xuân Gia	Khiêm	06/02/2012	Nam	9.4	
20	140	Thái Gia	Khiêm	04/06/2012	Nam	9.5	
21	141	Phạm Gia	Khiêm	18/12/2012	Nam	9.9	
22	142	Nguyễn Long	Khoa	01/04/2012	Nam	9.1	
23	143	Phạm Đình Nguyên	Khoa	19/02/2012	Nam	9.1	
24	144	Phạm Nguyên Anh	Khoa	27/12/2012	Nam	9.1	

Danh sách tổng cộng có 24 học sinh./.

**DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 07 - KHỐI 9
NĂM HỌC 2026 - 2027**

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	145	Huỳnh Văn Anh	Khoa	14/10/2012	Nam	9.4	
2	146	Ngô Văn Đăng	Khoa	04/11/2012	Nam	9.5	
3	147	Nguyễn Lê Đăng	Khoa	02/04/2012	Nam	9.5	
4	148	Thái Minh	Khoa	28/08/2012	Nam	9.6	
5	149	Trần Đăng	Khoa	16/01/2012	Nam	9.6	
6	150	Trần Trung	Khoa	20/07/2012	Nam	9.6	
7	151	Nguyễn Anh	Khoa	14/04/2012	Nam	9.7	
8	152	Trần Hoàng Duy	Khoa	28/12/2012	Nam	9.7	
9	153	Trần Phan Anh	Khoa	03/01/2012	Nam	9.8	
10	154	Nguyễn Anh	Khoa	17/08/2012	Nam	9.9	
11	155	Nguyễn Trung	Khoa	28/09/2012	Nam	9.9	
12	156	Nguyễn Hà Đăng	Khôi	24/12/2012	Nam	9.1	
13	157	Phạm Tường Đăng	Khôi	05/04/2012	Nam	9.1	
14	158	La Quang	Khôi	11/10/2012	Nam	9.3	
15	159	Trần Hồ Huy	Khôi	28/03/2012	Nam	9.3	
16	160	Nguyễn Văn	Khôi	11/02/2012	Nam	9.4	
17	161	Trương Văn Hoàng	Khôi	09/12/2012	Nam	9.4	
18	162	Lý Phúc	Khôi	08/05/2012	Nam	9.5	
19	163	Võ Nguyên	Khôi	19/02/2012	Nam	9.5	
20	164	Nguyễn Đăng	Khôi	27/06/2012	Nam	9.8	
21	165	Kiều Thục	Khuê	11/02/2012	Nữ	9.8	
22	166	Nguyễn Tấn	Kiệt	17/01/2012	Nam	9.4	
23	167	Triệu Hoàng Thiên	Kim	11/06/2012	Nữ	9.6	
24	168	Jones Lê	Kyle	13/06/2012	Nam	9.7	

Danh sách tổng cộng có 24 học sinh./.

**DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 08 - KHỐI 9
NĂM HỌC 2026 - 2027**

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	169	Nguyễn Quốc	Lam	16/10/2012	Nam	9.7	
2	170	Phạm Linh	Lam	25/08/2012	Nữ	9.9	
3	171	Nguyễn Lê Hoàng	Lan	03/01/2012	Nữ	9.2	
4	172	Phan Minh Bảo	Linh	29/01/2012	Nữ	9.1	
5	173	Bùi Khánh	Linh	16/03/2012	Nữ	9.2	
6	174	Phạm Bảo Khánh	Linh	07/04/2012	Nữ	9.2	
7	175	Đỗ Trương Hoàng	Linh	06/05/2012	Nữ	9.3	
8	176	Nguyễn Thị Khánh	Linh	16/07/2012	Nữ	9.5	
9	177	Lê Hoàng Gia	Linh	21/03/2012	Nữ	9.7	
10	178	Nguyễn Phạm Gia	Linh	03/07/2012	Nữ	9.8	
11	179	Từ Khánh	Linh	08/10/2012	Nữ	9.8	
12	180	Dư Nhã	Linh	01/02/2012	Nữ	9.9	
13	181	Lê Tăng Khánh	Linh	27/08/2012	Nữ	9.9	
14	182	Nguyễn Hữu	Lộc	28/10/2012	Nam	9.3	
15	183	Lê Xuân	Lộc	17/08/2012	Nam	9.5	
16	184	Lê Hùng	Long	04/05/2012	Nam	9.2	
17	185	Đặng Hồng	Long	04/12/2012	Nam	9.3	
18	186	La Quang	Long	11/10/2012	Nam	9.3	
19	187	Ngô Đức Huy	Long	25/03/2012	Nam	9.3	
20	188	Trần Lê Khởi	Long	20/01/2012	Nam	9.4	
21	189	Phạm Hoàng Gia	Long	13/12/2012	Nam	9.5	
22	190	Trần Trạch Phúc	Long	27/07/2012	Nam	9.7	
23	191	Lê Hải	Long	06/01/2012	Nam	9.8	
24	192	Hồ Ngọc Duy	Long	29/06/2012	Nam	9.9	

Danh sách tổng cộng có 24 học sinh./.

**DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 09 - KHỐI 9
NĂM HỌC 2026 - 2027**

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	193	Nguyễn Thành	Luân	16/11/2012	Nam	9.1	
2	194	Lê Đình	Luân	16/04/2012	Nam	9.6	
3	195	Phạm Hoàng	Luân	18/04/2012	Nam	9.8	
4	196	Nguyễn Nhật	Minh	07/03/2012	Nam	9.1	
5	197	Ngô Bảo	Minh	25/10/2012	Nam	9.2	
6	198	Trần Huỳnh Nhật	Minh	04/07/2012	Nam	9.3	
7	199	Võ Nguyễn Hoàng	Minh	08/11/2012	Nam	9.3	
8	200	Nguyễn Thái Cao	Minh	25/08/2012	Nam	9.6	
9	201	Nguyễn Văn	Minh	09/02/2012	Nam	9.7	
10	202	Nguyễn Viết Triều	Minh	03/05/2012	Nam	9.8	
11	203	Vũ Bình	Minh	26/06/2012	Nam	9.8	
12	204	Lê Hoàng Thảo	My	17/04/2012	Nữ	9.2	
13	205	Trần Lê Hoàng Thảo	My	09/08/2012	Nữ	9.6	
14	206	Huỳnh Kim Diệu	My	14/11/2012	Nữ	9.9	
15	207	Lê Thị An	Na	26/02/2012	Nữ	9.4	
16	208	Trương Đình Hải	Nam	09/07/2012	Nam	9.2	
17	209	Nguyễn Việt	Nam	14/05/2012	Nam	9.3	
18	210	Đỗ Hoàng	Nam	05/09/2012	Nam	9.4	
19	211	Trịnh Lê Quốc	Nam	31/08/2012	Nam	9.4	
20	212	Phạm Khải	Nam	05/12/2012	Nam	9.5	
21	213	Nguyễn Hoàng	Nam	09/12/2012	Nam	9.6	
22	214	Đỗ Nhật	Nam	18/07/2012	Nam	9.7	
23	215	Hồ Khánh	Ngân	28/10/2012	Nữ	9.2	
24	216	Nguyễn Bảo Trúc	Ngân	08/07/2012	Nữ	9.2	

Danh sách tổng cộng có 24 học sinh./.

**DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 10 - KHỐI 9
NĂM HỌC 2026 - 2027**

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	217	Trần Trúc	Ngân	13/05/2012	Nữ	9.2	
2	218	Hà Thị Thu	Ngân	17/08/2012	Nữ	9.5	
3	219	Huỳnh Ngọc Bảo	Ngân	04/12/2012	Nữ	9.6	
4	220	Bùi Trần Bảo	Ngân	12/03/2012	Nữ	9.7	
5	221	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc	05/06/2012	Nữ	9.1	
6	222	Bùi Huỳnh Khánh	Ngọc	16/04/2012	Nữ	9.2	
7	223	Huỳnh Lê Bảo	Ngọc	01/09/2012	Nữ	9.2	
8	224	Nguyễn Bảo	Ngọc	06/06/2012	Nữ	9.2	
9	225	Lý Thủy	Ngọc	16/04/2012	Nữ	9.3	
10	226	Nguyễn Hoàng	Ngọc	15/07/2012	Nữ	9.4	
11	227	Nguyễn Trần Bảo	Ngọc	26/10/2012	Nữ	9.4	
12	228	Phan Thị Tiểu	Ngọc	04/07/2012	Nữ	9.4	
13	229	Trần Dương Bảo	Ngọc	21/08/2012	Nữ	9.5	
14	230	Nguyễn Lê Bảo	Ngọc	16/02/2012	Nữ	9.6	
15	231	Đặng Huỳnh Băng	Ngọc	17/03/2012	Nữ	9.7	
16	232	Trương Hồng Bảo	Ngọc	18/05/2012	Nữ	9.7	
17	233	Đỗ Bảo	Ngọc	21/03/2012	Nữ	9.8	
18	234	Lê Nguyên Bảo	Ngọc	05/07/2012	Nữ	9.8	
19	235	Hà Bảo	Ngọc	07/06/2012	Nữ	9.9	
20	236	Nguyễn Thanh Bảo	Ngọc	27/11/2012	Nữ	9.9	
21	237	Đinh Phong	Nguyên	17/02/2012	Nam	9.1	
22	238	Nguyễn Khôi	Nguyên	10/03/2012	Nam	9.1	
23	239	Đỗ Hoàng Phúc	Nguyên	11/04/2012	Nam	9.3	
24	240	Lê Viết Trí	Nguyên	28/07/2012	Nam	9.7	

Danh sách tổng cộng có 24 học sinh./.

**DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 11 - KHỐI 9
NĂM HỌC 2026 - 2027**

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	241	Bùi Lạc	Nguyên	15/06/2012	Nữ	9.9	
2	242	Trần Lê Bảo	Nguyên	09/05/2012	Nữ	9.9	
3	243	Phan Khôi	Nguyên	26/04/2012	Nam	9.1	
4	244	Trần Lê Hoàng	Nguyên	26/02/2012	Nữ	9.1	
5	245	Nguyễn Phước Thiện	Nhân	29/05/2012	Nam	9.1	
6	246	Nguyễn Thiện	Nhân	27/04/2012	Nam	9.3	
7	247	Dương Vũ Thiện	Nhân	30/06/2012	Nam	9.9	
8	248	Huỳnh Kim	Nhân	22/03/2011	Nam	9.9	
9	249	Trần Khánh	Nhật	27/03/2012	Nam	9.5	
10	250	Ngô Huy	Nhật	23/05/2012	Nam	9.7	
11	251	Lê Đăng Thụy	Nhi	17/09/2012	Nữ	9.2	
12	252	Nguyễn Nho Mỹ	Nhi	16/10/2012	Nữ	9.2	
13	253	Phạm Nguyễn Bảo	Nhi	09/05/2012	Nữ	9.2	
14	254	Nguyễn Thảo	Nhi	22/02/2012	Nữ	9.3	
15	255	Thái Tuệ	Nhi	27/11/2012	Nữ	9.3	
16	256	Đinh Thị Yến	Nhi	28/10/2012	Nữ	9.4	
17	257	Huỳnh Lê Uyên	Nhi	15/02/2012	Nữ	9.5	
18	258	Thái Uyên	Nhi	04/07/2012	Nữ	9.5	
19	259	Lê Phạm Uyên	Nhi	24/03/2012	Nữ	9.6	
20	260	Đặng Thùy Đông	Nhi	11/01/2012	Nữ	9.9	
21	261	Nguyễn Ngọc Bảo	Nhiên	05/11/2012	Nữ	9.6	
22	262	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	17/06/2012	Nữ	9.2	
23	263	Lê An	Như	13/11/2012	Nữ	9.6	
24	264	Phạm Bảo	Như	08/07/2012	Nữ	9.7	

Danh sách tổng cộng có 24 học sinh./.

**DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 12 - KHỐI 9
NĂM HỌC 2026 - 2027**

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	265	Trần Đình Vy	Oanh	11/10/2012	Nữ	9.7	
2	266	Nguyễn Nguyên	Phát	23/12/2012	Nam	9.4	
3	267	Nguyễn Tấn	Phát	26/07/2012	Nam	9.6	
4	268	Bùi Phước Bảo	Phát	26/11/2012	Nam	9.7	
5	269	Võ Lê Xuân	Phát	13/08/2012	Nam	9.8	
6	270	Đặng Hoàng	Phong	20/08/2012	Nam	9.1	
7	271	Nguyễn Quang Huy	Phong	01/08/2012	Nam	9.8	
8	272	Nguyễn Đình Lê	Phong	13/04/2012	Nam	9.1	
9	273	Trần Huỳnh Thiệu	Phong	03/07/2012	Nam	9.7	
10	274	Đoàn Minh	Phong	30/05/2012	Nam	9.8	
11	275	Hà Khánh	Phong	09/03/2012	Nam	9.9	
12	276	Trang Văn	Phú	19/02/2012	Nam	9.4	
13	277	Lê Nguyễn Gia	Phúc	28/12/2012	Nam	9.1	
14	278	Nguyễn Hoàng	Phúc	07/11/2012	Nam	9.1	
15	279	Bùi Song	Phúc	02/08/2012	Nam	9.2	
16	280	Lê Hồng	Phúc	09/08/2012	Nam	9.3	
17	281	Nguyễn Lê Triệu	Phúc	07/06/2012	Nam	9.5	
18	282	Võ Châu Hoàng	Phúc	15/06/2012	Nam	9.5	
19	283	Lê Văn Nguyên	Phước	23/06/2012	Nam	9.6	
20	284	Nguyễn	Phước	21/08/2012	Nam	9.6	
21	285	Nguyễn Ngọc Xuân	Phương	14/07/2012	Nữ	9.2	
22	286	Trần Hoài	Phương	09/12/2012	Nữ	9.8	
23	287	Tổng Mai	Phương	14/11/2012	Nữ	9.9	
24	288	Lê Ngọc Hoàng	Quân	16/10/2012	Nam	9.1	

Danh sách tổng cộng có 24 học sinh./.

**DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 13 - KHỐI 9
NĂM HỌC 2026 - 2027**

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	289	Phạm Minh	Quân	24/10/2012	Nam	9.1	
2	290	Nguyễn Đức Anh	Quân	27/07/2012	Nam	9.3	
3	291	Nguyễn Hoàng	Quân	10/03/2012	Nam	9.3	
4	292	Lê Hồng	Quân	20/08/2012	Nam	9.4	
5	293	Nguyễn Đăng	Quân	20/08/2012	Nam	9.4	
6	294	Đặng Ngọc Minh	Quân	07/01/2012	Nam	9.5	
7	295	Nguyễn Văn Anh	Quân	05/07/2012	Nam	9.5	
8	296	Lê Vũ	Quân	11/02/2012	Nam	9.6	
9	297	Phạm Gia	Quân	07/05/2012	Nam	9.6	
10	298	Lâm Quốc	Quân	12/07/2012	Nam	9.7	
11	299	Nguyễn Văn Đức	Quân	15/08/2012	Nam	9.7	
12	300	Nguyễn Trần Minh	Quân	12/09/2012	Nam	9.8	
13	301	Lê Ngọc	Quý	11/07/2012	Nam	9.7	
14	302	Võ Trần Thục	Quyên	23/06/2012	Nữ	9.2	
15	303	Ngô Ngọc Thảo	Quyên	01/01/2012	Nữ	9.3	
16	304	Đinh Trần Bảo	Quyên	01/10/2012	Nữ	9.4	
17	305	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	25/06/2012	Nữ	9.2	
18	306	Nguyễn Lý Như	Quỳnh	09/02/2012	Nữ	9.3	
19	307	Trần Lê Như	Quỳnh	17/09/2012	Nữ	9.3	
20	308	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	30/08/2012	Nữ	9.5	
21	309	Trần Ý	Quỳnh	02/07/2012	Nữ	9.9	
22	310	Lê Nguyên	Sang	20/02/2012	Nam	9.1	
23	311	Lê Văn	Sang	29/08/2012	Nam	9.4	
24	312	Đoàn Thanh	Sang	07/02/2012	Nam	9.8	

Danh sách tổng cộng có 24 học sinh./.

**DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 14 - KHỐI 9
NĂM HỌC 2026 - 2027**

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	313	Nguyễn Duy	Tài	05/08/2012	Nam	9.4	
2	314	Phạm Hoàng Anh	Tài	15/11/2012	Nam	9.9	
3	315	Mai Nhật	Tâm	27/06/2012	Nam	9.1	
4	316	Hà Minh	Tâm	19/01/2012	Nam	9.4	
5	317	Nguyễn Thị Minh	Tâm	16/10/2012	Nữ	9.9	
6	318	Phạm Trần Hoàng	Tân	02/05/2012	Nam	9.1	
7	319	Đặng Huy	Tân	10/01/2012	Nam	9.5	
8	320	Lê Đình Bảo	Thắng	29/03/2012	Nam	9.5	
9	321	Nguyễn Văn	Thắng	16/07/2012	Nam	9.8	
10	322	Nguyễn Đăng Long	Thành	15/04/2012	Nam	9.3	
11	323	Huỳnh Văn	Thành	02/01/2012	Nam	9.4	
12	324	Nguyễn Y	Thảo	05/04/2012	Nữ	9.2	
13	325	Phạm Lê Minh	Thảo	19/09/2012	Nữ	9.8	
14	326	Lê Bách	Thảo	10/05/2012	Nữ	9.9	
15	327	Nguyễn Lê Phương	Thảo	20/10/2012	Nữ	9.9	
16	328	Lê Nguyễn Thanh	Thiên	16/07/2012	Nam	9.3	
17	329	Đỗ Phú	Thiên	02/03/2012	Nam	9.5	
18	330	Nguyễn Ngọc	Thiên	02/05/2012	Nam	9.6	
19	331	Nguyễn Mạnh Đức	Thiện	28/12/2011	Nam	9.6	
20	332	Thân Hoàng	Thiện	12/09/2012	Nam	9.7	
21	333	Trần Hữu	Thiện	02/04/2012	Nam	9.8	
22	334	Nguyễn Gia	Thịnh	13/06/2012	Nam	9.7	
23	335	Trần Duy	Thịnh	19/04/2012	Nam	9.7	
24	336	Lê Phú	Thịnh	19/09/2012	Nam	9.9	

Danh sách tổng cộng có 24 học sinh./.

**DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 15 - KHỐI 9
NĂM HỌC 2026 - 2027**

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	337	Viên Tố	Thư	13/06/2012	Nữ	9.2	
2	338	Trương Ngọc Quỳnh	Thư	13/10/2012	Nữ	9.3	
3	339	Lê Hoàng Minh	Thư	14/07/2012	Nữ	9.4	
4	340	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	28/10/2012	Nữ	9.7	
5	341	Nguyễn Trần Anh	Thư	01/10/2012	Nữ	9.7	
6	342	Nguyễn Ngọc Khánh	Thư	26/10/2012	Nữ	9.8	
7	343	Phan Ngọc Anh	Thư	02/04/2012	Nữ	9.8	
8	344	Trần Anh	Thương	04/04/2012	Nữ	9.4	
9	345	Lê Ngân	Thuyên	11/04/2012	Nữ	9.2	
10	346	Đinh Bảo	Thy	19/10/2012	Nữ	9.1	
11	347	Lê Nguyễn An	Thy	23/07/2012	Nữ	9.4	
12	348	Thái Bảo	Thy	02/05/2012	Nữ	9.5	
13	349	Nguyễn Nhật	Thy	12/05/2012	Nữ	9.6	
14	350	Huỳnh Đắc Minh	Toàn	31/08/2012	Nam	9.3	
15	351	Đoàn Thị Thanh	Trà	22/02/2012	Nữ	9.2	
16	352	Nguyễn Duy	Trác	19/10/2012	Nam	9.3	
17	353	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	23/10/2012	Nữ	9.3	
18	354	Nguyễn Kim Bảo	Trâm	21/02/2012	Nữ	9.5	
19	355	Nguyễn Thị Thùy	Trâm	18/06/2012	Nữ	9.5	
20	356	Nguyễn Hoàng Bảo	Trâm	15/09/2012	Nữ	9.9	
21	357	Đặng Thục	Trân	17/08/2012	Nữ	9.1	
22	358	Đinh Ngọc	Trân	30/11/2012	Nữ	9.2	
23	359	Phạm Mai Bảo	Trân	12/10/2012	Nữ	9.2	
24	360	Trần Nguyễn Bảo	Trân	06/07/2012	Nữ	9.2	

Danh sách tổng cộng có 24 học sinh./.

**DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 16 - KHỐI 9
NĂM HỌC 2026 - 2027**

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	361	Nguyễn Hoàng Bảo	Trân	09/02/2012	Nữ	9.3	
2	362	Lê Tường Bảo	Trân	10/10/2012	Nữ	9.4	
3	363	Nguyễn Võ Huyền	Trân	12/11/2012	Nữ	9.6	
4	364	Lê Phan Huyền	Trân	19/06/2012	Nữ	9.7	
5	365	Phạm Trần Quỳnh	Trân	24/08/2012	Nữ	9.8	
6	366	Lưu Bảo	Trân	06/12/2012	Nữ	9.9	
7	367	Trần Ngô Bảo	Trân	12/10/2012	Nữ	9.9	
8	368	Trần Quỳnh	Trang	14/12/2012	Nữ	9.7	
9	369	Nguyễn Đức	Trí	04/01/2012	Nam	9.1	
10	370	Võ Thiện	Trí	22/02/2012	Nam	9.1	
11	371	Nguy Như Minh	Trí	04/10/2012	Nam	9.2	
12	372	Trang Minh	Trí	18/12/2012	Nam	9.6	
13	373	Trần Minh	Trí	13/10/2012	Nam	9.7	
14	374	Trần Lê Công	Trí	27/08/2012	Nam	9.8	
15	375	Nguyễn Lê Thiên	Triều	16/10/2012	Nam	9.9	
16	376	Nguyễn Phương	Trình	14/03/2012	Nữ	9.6	
17	377	Lê Lưu Phương	Trình	11/09/2012	Nữ	9.8	
18	378	Hà Vũ Khánh	Trình	10/08/2012	Nam	9.8	
19	379	Nguyễn Huỳnh Huy	Trọng	10/10/2012	Nam	9.8	
20	380	Nguyễn Trương Ngọc	Trúc	23/01/2012	Nữ	9.9	
21	381	Lê Viết Minh	Trường	25/05/2012	Nam	9.7	
22	382	Trần Tuấn	Tú	24/10/2012	Nam	9.4	
23	383	Trương Ngọc	Tú	17/02/2012	Nam	9.4	
24	384	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	02/12/2012	Nữ	9.7	

Danh sách tổng cộng có 24 học sinh./.

TRƯỜNG THCS KIM ĐỒNG

**DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 17 - KHỐI 9
NĂM HỌC 2026 - 2027**

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	385	Tạ Ngọc Minh	Tuấn	12/06/2012	Nam	9.3	
2	386	Nguyễn Khánh	Tùng	21/04/2012	Nam	9.9	
3	387	Lưu Ngọc Cát	Tường	02/05/2012	Nữ	9.6	
4	388	Hứa Ánh	Tuyết	14/02/2012	Nữ	9.2	
5	389	Berger Ngô Julia Triệu Phi	Tuyết	14/12/2012	Nữ	9.8	
6	390	Nguyễn Phạm Thảo	Uyên	28/01/2012	Nữ	9.1	
7	391	Ngô Hoàng Duy	Uyên	07/03/2012	Nữ	9.2	
8	392	Kiều Bảo	Uyên	16/06/2012	Nữ	9.4	
9	393	Nguyễn Huy Khải	Uyên	20/01/2012	Nữ	9.4	
10	394	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	21/12/2012	Nữ	9.9	
11	395	Ngô Khánh	Vân	01/07/2012	Nữ	9.2	
12	396	Nguyễn Đỗ Ngọc	Vân	26/03/2012	Nữ	9.2	
13	397	Trần Mai Thanh	Vân	28/06/2012	Nữ	9.4	
14	398	Phạm Phú	Vinh	25/03/2012	Nam	9.9	
15	399	Nguyễn Hoàng Uy	Vũ	05/06/2012	Nam	9.5	
16	400	Nguyễn Mậu Tuấn	Vũ	12/06/2012	Nam	9.5	
17	401	Nguyễn Trần Huy	Vũ	16/08/2012	Nam	9.6	
18	402	Ngô Thành	Vương	19/12/2012	Nam	9.5	
19	403	Nguyễn Lê Uyên	Vy	04/04/2012	Nữ	9.2	
20	404	Nguyễn Hoàng Thảo	Vy	04/12/2012	Nữ	9.3	
21	405	Phan Bùi Thảo	Vy	07/09/2012	Nữ	9.9	
22	406	Trần Khánh	Vy	04/09/2012	Nữ	9.9	
23	407	Trần Thị Ái	Xuân	01/01/2012	Nữ	9.5	
24	408	Huỳnh Nguyễn Nhã	Yến	21/06/2012	Nữ	9.2	

Danh sách tổng cộng có 24 học sinh./.